

THÔNG KÊ THỰC TRẠNG ĐỘI NGŨ VIÊN CHỨC TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP
(Tinh đến ngày 20/05/2026)
(Kèm theo Đề án số 215/ĐA-HV ngày 20 tháng 05 năm 2026 của Trường Trung học phổ thông Hùng Vương)

TT	Đơn vị/ Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ, chức danh	Các nhiệm vụ đang đảm nhận	Năm tuyển dụng		Ngạch (Chức danh NN) hiện đang giữ	Trình độ chuyên môn cao nhất			Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tín học	Chứng chỉ, bồi dưỡng nghề nghiệp	Đánh giá việc bố trí có phù	Đánh giá mức độ HTNV (ĐG theo kq năm)	Ghi chú
		Nam	Nữ			Vào cơ quan nhà nước	Vào đơn vị đang làm việc		Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
I Lãnh đạo đơn vị																	
1	Vương Xuân Hồng	02/11/1979		Hiệu trưởng	Quản lý	2002	2024	V07.05.15	Thạc sĩ	Sư phạm Toán Tin	Chính quy	B	ĐH	QLGD; TTLCTHC; Cấp phòng; CDNN GVTHPT	Phù hợp	HTTNV	
2	Trần Văn An	20/04/1985		Phó hiệu trưởng	Quản lý	2008	2008	V.07.05.15	Thạc sĩ	Sư phạm Lịch sử	Chính quy	B1	Ứng dụng CNTT cơ bản	QLGD; TTLCTHC; Cấp phòng; CDNN GVTHPT	Phù hợp	HTXSNV	
3	Nguyễn Hoàng Nam	16/08/1980		Phó hiệu trưởng	Quản lý	2004	2004	V.07.05.15	Thạc sĩ	Sư phạm Tiếng Anh	Chính quy	Thạc sĩ	Trung cấp	QLGD; TTLCTHC; Cấp phòng; CDNN GVTHPT	Phù hợp	HTXSNV	
II Hoạt động nghề nghiệp																	
1	Lê Hữu Năm	02/07/1984		GV THPT hạng III	Giảng dạy môn Toán và giáo dục học sinh	2008	2008	V.07.05.15	Đại học sư phạm	Sư phạm Toán học	Chính quy	A2	UD CNTTCB	CDNN GVTHPT	Phù hợp	HTXSNV	1
2	Nguyễn Văn Duy Thiệu	20/06/1978		GV THPT hạng III	Giảng dạy môn Toán và giáo dục học sinh	2001	2001	V.07.05.15	Đại học sư phạm	Sư phạm Toán Tin	Chính quy	B	Đại học	CDNN GVTHPT	Phù hợp	HTXSNV	1
3	Nguyễn Tuấn Anh	11/05/1986		GV THPT hạng III	Giảng dạy môn Toán và giáo dục học sinh	2009	2009	V.07.05.15	Thạc sĩ	Sư phạm Toán học	Chính quy	B1	UD CNTTCB	CDNN GVTHPT	Phù hợp	HTXSNV	1
4	Vũ Thị Hồng Hạnh		08/12/1989	GV THPT hạng III	Giảng dạy môn Toán và giáo dục học sinh	2011	2011	V.07.05.15	Đại học sư phạm	Sư phạm Toán học	Chính quy				Phù hợp	HTXSNV	1
5	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh		21/01/1992	GV THPT hạng III	Giảng dạy môn Toán và giáo dục học sinh	2015	2015	V.07.05.15	Thạc sĩ	Sư phạm Toán học	Chính quy	B1	B	CDNN GVTHPT	Phù hợp	HTXSNV	1
6	Lê Thị Nhung		07/06/1985	GV THPT hạng III	Giảng dạy môn Toán và giáo dục học sinh	2009	2009	V.07.05.15	Đại học sư phạm	Sư phạm Toán học	Chính quy			CDNN GVTHPT	Phù hợp	HTXSNV	1
7	Nguyễn Thị Thu		01/09/1985	GV THPT hạng III	Giảng dạy môn Toán và giáo dục học sinh	2009	2009	V.07.05.15	Đại học sư phạm	Sư phạm Toán học	Chính quy				Phù hợp	HTXSNV	1

TT	Đơn vị/ Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ, chức danh	Các nhiệm vụ đang đảm nhận	Năm tuyển dụng		Ngạch (Chức danh NN) hiện đang giữ	Trình độ chuyên môn cao nhất			Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Chứng chỉ, bồi dưỡng nghiệp vụ	Đánh giá việc bố trí có phù	Đánh giá mức độ HTNV (ĐG theo kỳ năm)	Ghi chú
		Nam	Nữ			Vào cơ quan nhà nước	Vào đơn vị đang làm việc		Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
8	Nguyễn Văn Vững	29/10/1993		GV THPT hạng III	Giảng dạy môn Toán và giáo dục học sinh	2020	2020	V.07.05.15	Thạc sĩ	Sư phạm Toán học	Chính quy	B1	UD CNTTCB	CDNN GVTHPT	Phù hợp	HTXSNV	1
9	Bùi Thị Hiền Lương		17/06/1995	GV THPT hạng III	Giảng dạy môn Toán và giáo dục học sinh	2022	2024	V.07.05.15	Đại học sư phạm	Sư phạm Toán học	Chính quy	B		CDNN	Phù hợp	HTXSNV	1
10	Nguyễn Trí Thức	16/05/1986		GV THPT hạng III	Giảng dạy môn Tin học và giáo dục học sinh	2010	2010	V.07.05.15	Đại học	Cử nhân Tin học	Chính quy	B	Đại học	CDNN GVTHPT; Chứng chỉ sư phạm	Phù hợp	HTXSNV	2
11	Phạm Thị Thùy		06/01/1985	GV THPT hạng III	Giảng dạy môn Tin học và giáo dục học sinh	2010	2010	V.07.05.15	Đại học	Cử nhân Tin học	Chính quy	B	Đại học	CDNN GVTHPT; Chứng chỉ sư phạm	Phù hợp	HTXSNV	2
12	Nguyễn Thị Huyền		01/05/1984	GV THPT hạng III	Giảng dạy môn Ngữ văn và giáo dục học sinh	2009	2009	V.07.05.15	Đại học sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Chính quy	B	THVP	CDNN GVTHPT	Phù hợp	HTXSNV	3
13	Phạm Thị Nhị		08/04/1981	GV THPT hạng III	Giảng dạy môn Ngữ văn và giáo dục học sinh	2007	2007	V.07.05.15	Đại học	Cử nhân Ngữ văn	Chính quy	B	A	Nghiệp vụ sư phạm	Phù hợp	HTXSNV	3
14	Phạm Thị Bằng		15/02/1976	GV THPT hạng III	Giảng dạy môn Ngữ văn và giáo dục học sinh	2001	2001	V.07.05.15	Đại học sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Chính quy	A	A	CDNN GVTHPT	Phù hợp	HTXSNV	3
15	Hoàng Tân Khánh	02/09/1973		GV THPT hạng III	Giảng dạy môn Ngữ văn và giáo dục học sinh	2001	2001	V.07.05.15	Đại học sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Chính quy	A2	THVP	CDNN GVTHPT	Phù hợp	HTXSNV	3
16	Trịnh Thị Loan		21/03/1977	GV THPT hạng III	Giảng dạy môn Ngữ văn và giáo dục học sinh	2004	2004	V.07.05.15	Đại học sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Chính quy				Phù hợp	HTXSNV	3
17	Nguyễn Thị Lệ Quyên		17/03/1978	GV THPT hạng III	Giảng dạy môn Ngữ văn và giáo dục học sinh	2002	2002	V.07.05.15	Đại học	Cử nhân Ngữ văn	Chính quy			Chứng nhận Nghiệp vụ sư phạm	Phù hợp	HTXSNV	3
18	Ngô Xuân Trường	13/11/1979		GV THPT hạng III	Giảng dạy môn Ngữ văn và giáo dục học sinh	2002	2002	V.07.05.15	Đại học sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Chính quy				Phù hợp	HTXSNV	3
19	Lê Văn Tú	15/10/1979		GV THPT hạng III	Giảng dạy môn Ngữ văn và giáo dục học sinh	2006	2006	V.07.05.15	Đại học sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Chính quy	A	A	QLGD	Phù hợp	HTXSNV	3

TT	Đơn vị/ Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ, chức danh	Các nhiệm vụ đang đảm nhận	Năm tuyển dụng		Ngạch (Chức danh NN) hiện đang giữ	Trình độ chuyên môn cao nhất			Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Chứng chỉ, bồi dưỡng nghiệp vụ	Đánh giá việc bố trí có phù	Đánh giá mức độ HTNV (ĐG theo kq năm)	Ghi chú
		Nam	Nữ			Vào cơ quan nhà nước	Vào đơn vị đang làm việc		Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
20	Trần Thị Nguyệt		26/10/1978	GV THPT hạng III	Giảng dạy môn Tiếng Anh và giáo dục học sinh	2001	2001	V.07.05.15	Đại học sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Chính quy	Đại học	B	QLGD, NVSP NC; CDNN GVTHPT	Phù hợp	HTXS NV	4
21	Nguyễn Thị Kim Mỹ		06/07/1980	GV THPT hạng III	Giảng dạy môn Tiếng Anh và giáo dục học sinh	2004	2004	V.07.05.15	Đại học sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Chính quy	Đại học	A	CDNN GVTHPT	Phù hợp	HTXS NV	4
22	Phạm Thị Ngọc Ánh		25/03/1986	GV THPT hạng III	Giảng dạy môn Tiếng Anh và giáo dục học sinh	2010	2010	V.07.05.15	Đại học sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Chính quy	Đại học	B	Tiếng Pháp(B); C1; NVSP NC; CDNN GVTHPT	Phù hợp	HTXS NV	4
23	Nguyễn Thị Cẩm		10/05/1988	GV THPT hạng III	Giảng dạy môn Tiếng Anh và giáo dục học sinh	2010	2010	V.07.05.15	Đại học sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Chính quy	Đại học	A	Tiếng Pháp(B); C1; NVSP NC; CDNN GVTHPT	Phù hợp	HTXS NV	4
24	Nguyễn Thị Thùy Linh		16/08/1977	GV THPT hạng III	Giảng dạy môn Tiếng Anh và giáo dục học sinh	2009	2009	V.07.05.15	Đại học	Cử nhân Tiếng Anh	Chính quy	Đại học	B	CDNN GVTHPT; Nghiệp vụ sư phạm; Tiếng Pháp(A); Nghiệp vụ sư phạm NC; B2	Phù hợp	HTXS NV	4
25	Bùi Nữ Thùy Trang		24/04/1989	GV THPT hạng III	Giảng dạy môn Tiếng Anh và giáo dục học sinh	2011	2011	V.07.05.15	Đại học sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Chính quy	Đại học	A	CDNN GVTHPT; Tiếng Pháp(B); C1; NVSP NC	Phù hợp	HTXS NV	4
26	Nguyễn Văn Minh	26/07/1967		GV THPT hạng III	Giảng dạy môn Địa lí và giáo dục học sinh	1990	2001	V.07.05.15	Đại học sư phạm	Sư phạm Địa lý	Chính quy	A		CDNN GVTHPT	Phù hợp	HTXS NV	5
27	Trần Thị Hoa		02/10/1982	GV THPT hạng III	Giảng dạy môn Địa lí và giáo dục học sinh	2008	2008	V.07.05.15	Đại học sư phạm	Sư phạm Địa lý	Chính quy	B	THVP		Phù hợp	HTXS NV	5
28	H Nuch Bô		07/09/1991	GV THPT hạng III	Giảng dạy môn Địa lí và giáo dục học sinh	2020	2020	V.07.05.15	Đại học sư phạm	Sư phạm Địa lý	Chính quy	B	A		Phù hợp	HTXS NV	5
29	Nguyễn Thị Ngân Hà		26/08/1987	GV THPT hạng III	Giảng dạy môn Lịch sử và giáo dục học sinh	2009	2009	V.07.05.15	Đại học sư phạm	Sư phạm Lịch sử	Chính quy	C	B	CDNN GVTHPT	Phù hợp	HTXS NV	5
30	Phạm Thị Kim Liên		20/03/1979	GV THPT hạng III	Giảng dạy môn Lịch sử và giáo dục học sinh	2008	2008	V.07.05.15	Đại học sư phạm	Sư phạm Lịch sử	Chính quy		B		Phù hợp	HTXS NV	5

TT	Đơn vị/ Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ, chức danh	Các nhiệm vụ đang đảm nhận	Năm tuyển dụng		Ngạch (Chức danh NN) hiện đang giữ	Trình độ chuyên môn cao nhất			Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Chứng chỉ, bồi dưỡng nghiệp vụ	Đánh giá việc bố trí có phù	Đánh giá mức độ HTNV (ĐG theo kỳ năm)	Ghi chú
		Nam	Nữ			Vào cơ quan nhà nước	Vào đơn vị đang làm việc		Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
31	Nguyễn Thị Huệ		24/06/1988	GV THPT hạng III	Giảng dạy môn Giáo dục công dân và giáo dục học sinh	2011	2011	V.07.05.15	Đại học sư phạm	Giáo dục Chính trị	Chính quy		UDCNTT CB	CDNN GVTHPT; Tiếng Êđê	Phù hợp	HTXS NV	5
32	Phạm Thị Huyền		13/09/1986	GV THPT hạng III	Giảng dạy môn Giáo dục công dân và giáo dục học sinh	2009	2020	V.07.05.15	Đại học sư phạm	Giáo dục Chính trị	Chính quy		A	CDNN GVTHPT; Tiếng Êđê	Phù hợp	HTXS NV	5
33	Trần Văn Hưng	15/10/1978		GV THPT hạng III	Giảng dạy môn Giáo dục quốc phòng và an ninh và giáo dục học sinh	2009	2009	V.07.05.15	Đại học sư phạm	Giáo dục Thể chất; Giáo dục quốc phòng an ninh	Chính quy			CDNN GVTHPT	Phù hợp	HTXS NV	6
34	Mai Công Tước	20/10/1984		GV THPT hạng III	Giảng dạy môn Giáo dục thể chất và giáo dục học sinh	2009	2009	V.07.05.15	Đại học sư phạm	Giáo dục Thể chất	Chính quy	B		CDNN GVTHPT	Phù hợp	HTXS NV	6
35	Lê Hồng Công	02/07/1982		GV THPT hạng III	Giảng dạy môn Giáo dục quốc phòng và an ninh và giáo dục học sinh	2004	2009	V.07.05.15	Đại học sư phạm	Giáo dục Thể chất	Chuyên tu			GD QPAN, CDNN GVTHPT	Phù hợp	HTXS NV	6
36	Hồ Tuấn Lai	29/09/1982		GV THPT hạng III	Giảng dạy môn Giáo dục thể chất và giáo dục học sinh	2009	2009	V.07.05.15	Đại học sư phạm	Giáo dục Thể chất	Tại chức			CDNN GVTHPT	Phù hợp	HTXS NV	6
37	Nguyễn Hồng Nguyên	06/01/1986		GV THPT hạng III	Giảng dạy môn Giáo dục thể chất và giáo dục học sinh	2010	2010	V.07.05.15	Đại học sư phạm	Giáo dục Thể chất	Chính quy		A	CDNN GVTHPT	Phù hợp	HTXS NV	6
38	Ngô Thị Kiều Oanh		10/01/1980	GV THPT hạng III	Giảng dạy môn Vật lý và giáo dục học sinh	2004	2008	V.07.05.15	Đại học và có chứng chỉ BDNVSP	Cử nhân Vật lý	Chính quy	B	A	Nghiệp vụ sư phạm, CDNN GVTHPT	Phù hợp	HTXS NV	7
39	La Thị Bích Phượng		19/02/1983	GV THPT hạng III	Giảng dạy môn Vật lý và giáo dục học sinh	2006	2006	V.07.05.15	Thạc sĩ	Cử nhân Vật lý	Chính quy	B1	UD CNTTCB	Nghiệp vụ sư phạm, CDNN GVTHPT	Phù hợp	HTXS NV	7
40	Đặng Minh Dũng	10/04/1984		GV THPT hạng III	Giảng dạy môn Vật lý và giáo dục học sinh	2009	2009	V.07.05.15	Đại học sư phạm	Sư phạm Vật lý	Chính quy				Phù hợp	HTXS NV	7
41	Huỳnh Thị Tố Như		13/03/1994	GV THPT hạng III	Giảng dạy môn Vật lý và giáo dục học sinh	2016	2021	V.07.05.15	Đại học	Sư phạm Vật lý	Chính quy	B1	B	CDNN GVTHPT	Phù hợp	HTXS NV	7
42	Nguyễn Thị Thu Nường		12/11/1985	GV THPT hạng III	Giảng dạy môn Vật lý và giáo dục học sinh	2010	2010	V.07.05.15	Đại học sư phạm	Sư phạm Vật lý	Chính quy		B	CDNN GVTHPT	Phù hợp	HTXS NV	7

TT	Đơn vị/ Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ, chức danh	Các nhiệm vụ đang đảm nhận	Năm tuyển dụng		Ngạch (Chức danh NN) hiện đang giữ	Trình độ chuyên môn cao nhất			Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Chứng chỉ, bồi dưỡng nghiệp vụ	Đánh giá việc bố trí có phù	Đánh giá mức độ HTNV (ĐG theo kỳ năm)	Ghi chú
		Nam	Nữ			Vào cơ quan nhà nước	Vào đơn vị đang làm việc		Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
43	Nguyễn Thị Kim Thanh		27/03/1988	GV THPT hạng III	Giảng dạy môn Vật lý và giáo dục học sinh	2012	2020	V.07.05.15	Thạc sĩ	Sư phạm Vật lý	Chính quy	B1	Ứng dụng CNTT cơ bản	CDNN GVTHPT	Phù hợp	HTXS NV	7
44	Nguyễn Thị Thanh Thúy		11/08/1989	GV THPT hạng III	Giảng dạy môn Vật lý và giáo dục học sinh	2011	2011	V.07.05.15	Đại học sư phạm	Sư phạm Vật lý	Chính quy	B	B	CDNN GVTHPT	Phù hợp	HTXS NV	7
45	Trần Thị Trang		19/03/1987	GV THPT hạng III	Giảng dạy môn Vật lý và giáo dục học sinh	2010	2010	V.07.05.15	Đại học sư phạm	Sư phạm Vật lý	Chính quy	B	A, B	CDNN GVTHPT	Phù hợp	HTXS NV	7
46	Hoàng Thị Hào		10/05/1979	GV THPT hạng III	Giảng dạy môn Hóa học và giáo dục học sinh	2003	2005	V.07.05.15	Thạc sĩ	Sư phạm Hóa học	Chính quy	B		CDNN GVTHPT	Phù hợp	HTXS NV	8
47	Đào Xuân Hoàng	23/03/1988		GV THPT hạng III	Giảng dạy môn Hóa học và giáo dục học sinh	2011	2011	V.07.05.15	Thạc sĩ	Sư phạm Hóa học	Chính quy	B	B	CDNN GVTHPT; Tiếng Êđê	Phù hợp	HTXS NV	8
48	Nguyễn Mạnh Đạt	04/03/1990		GV THPT hạng III	Giảng dạy môn Hóa học và giáo dục học sinh	2015	2015	V.07.05.15	Thạc sĩ	Sư phạm Hóa học	Chính quy	B	A		Phù hợp	HTXS NV	8
49	Nguyễn Thị Lê Na		15/09/1986	GV THPT hạng III	Giảng dạy môn Hóa học và giáo dục học sinh	2009	2011	V.07.05.15	Đại học	Hóa học	Chính quy	C	Kỹ thuật viên	Nghiệp vụ sư phạm	Phù hợp	HTXS NV	8
50	Hà Văn Tiếp	18/12/1984		GV THPT hạng III	Giảng dạy môn Hóa học và giáo dục học sinh	2009	2009	V.07.05.15	Đại học sư phạm	Sư phạm Hóa học	Chính quy	B	B	CDNN GVTHPT	Phù hợp	HTXS NV	8
51	Phạm Thị Hằng		02/08/1980	GV THPT hạng III	Giảng dạy môn Sinh học và giáo dục học sinh	2005	2005	V.07.05.15	Đại học sư phạm	Sư phạm Sinh học	Chính quy	A	UD CNTTCB	CDNN GVTHPT	Phù hợp	HTXS NV	8
52	Nguyễn Duy Nho	20/10/1972		GV THPT hạng III	Giảng dạy môn Công nghệ và giáo dục học sinh	2004	2004	V.07.05.15	Đại học sư phạm	Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp	Chính quy	B	B		Phù hợp	HTXS NV	8
53	Đỗ Thị Thoa		02/08/1988	GV THPT hạng III	Giảng dạy môn Công nghệ và giáo dục học sinh	2011	2011	V.07.05.15	Đại học sư phạm	Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp	Chính quy	B	A	CDNN GVTHPT	Phù hợp	HTXS NV	8
54	Trần Thị Phúc		05/07/1987	Nhân viên	Quản lý thiết bị giáo dục	2013	2013	V.07.07.20	Đại học	Thư viện - Thiết bị trường học	Vừa học vừa làm	B	A		Phù hợp	HTXS NV	
III Chuyên môn dùng chung																	
1	Văn Đức Hải	04/04/1984		Nhân viên	Phụ trách kế toán	2012	2020	6,032	Đại học	Chuyên ngành khác	Chính quy	B	UD CNTTCB	Chứng chỉ Kế toán viên	Phù hợp	HTXS NV	

TT	Đơn vị/ Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ, chức danh	Các nhiệm vụ đang đảm nhận	Năm tuyển dụng		Ngạch (Chức danh NN) hiện đang giữ	Trình độ chuyên môn cao nhất			Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tín học	Chứng chỉ, bồi dưỡng nghịệp vụ	Đánh giá việc bố trí có phù	Đánh giá mức độ HTNV (ĐG theo kq năm)	Ghi chú
		Nam	Nữ			Vào cơ quan nhà nước	Vào đơn vị đang làm việc		Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
2	Nguyễn Thị Lan		20/07/1987	Nhân viên	Văn thư	2024	2024	02.008	Đại học	Kê toán; Trung cấp Văn thư- hành chính	Chính quy	B	THVP	Chứng chỉ Văn thư, lưu trữ	Phù hợp	HTXS NV	
3	Phan Thị Xuân		01/04/1976	Nhân viên	Thư viện	2001	2001	V.10.02.07	Đại học	Cử nhân Ngữ văn; Trung cấp thư viện-thiết bị trường học	Chính quy	B	THVP	Chứng chỉ bồi dưỡng nghịệp vụ thủ quỹ	Phù hợp	HTXS NV	
4	Bạch Hoàng Lệ		15/08/1989	Nhân viên	Y tế học đường	2024	2024	V.08.03.07	Trung cấp	Y sĩ	Chính quy	B	A		Phù hợp	HTXS NV	
IV Công việc hỗ trợ, phục vụ																	
1	Ngô Thanh Tân	10/10/1992		Hợp đồng ND 111	Bảo vệ	2025	2025	01.011 (CŨ)	Đại học	Giáo dục thể chất	Chính quy				Phù hợp		
2	Lữ Minh Dũng	20/10/1973		Hợp đồng ND 111	Bảo vệ	2000	2000	01.011 (CŨ)	Trình độ khác						Phù hợp	HTXS NV	

NGƯỜI LẬP BIỂU

Krông Ana, ngày tháng 05 năm 2026

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Vương Xuân Hồng